

Bản án số: 27/2023/HS-ST

Ngày 07/09/2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Trọng Sơn và Nguyễn Thị Kiều Linh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 09 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 26/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 08 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 08 năm 2023 đối với bị cáo:

**Họ và tên: RCỡm P;** Tên gọi khác: “Ma Ngọc”; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 01/01/1980, tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: Thôn E, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ja Rai; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12. Cha: La O G (chết); Mẹ: RCỡm H, sinh năm 1962; Vợ: Ra Lan K, sinh năm 1985. Bị cáo có 02 con, sinh năm 2013 và 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/6/2023 đến nay tại xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên, có mặt.

*- Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Ngô Thiên Phương – Trợ giúp viên pháp lý, do trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên cử, có mặt.

\* **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã M do ông Nguyễn Văn M – chủ tịch UBND xã M, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ra Lan K, sinh năm 1985, trú tại: Thôn E, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên, có mặt.
- La O B, sinh năm: 1942, trú tại: Thôn E, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên;
- Nguyễn Hồng C, sinh năm 1971, nơi công tác: Hạt kiểm lâm huyện D, tỉnh Phú Yên;
- Huỳnh Trọng D, sinh năm 1968, nơi công tác: Hạt kiểm lâm huyện D;
- La Lan H, sinh năm 1987, nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, Phú Yên;
- La O N, sinh năm 1978, nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, Phú Yên.

Tất cả đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng tháng 6/2022, RCõm P nói với vợ là Ra Lan K cùng đi đến khu rừng trước đây cha mẹ K đã khai hoang trồng lúa để lại tại khoảnh 2, tiểu khu 73 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên (*Rừng do UBND xã M, huyện D quản lý*) để phát dọn cây rừng lấy đất trồng lúa, trồng keo. Sau đó, P cùng với K mang theo rựa đi đến khu rừng trên để phát dọn theo hình thức phát trắng những cây rừng có đường kính nhỏ, đối với những cây rừng có đường kính lớn không dùng rựa chặt được thì để lại. Vợ chồng P phát dọn cây rừng liên tục trong thời gian 05 ngày, được diện tích 5.100m<sup>2</sup> thì nghỉ, chờ thực bì khô để đốt. Đến ngày 03/8/2022, khi P đang đốt thực bì trên diện tích rừng đã phát thì bị cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản. Quá trình điều tra, RCõm P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại kết luận giám định tư pháp số 925/KLGD-CCKL ngày 08/8/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Diện tích rừng bị chặt phá tại khoảnh 2, tiểu khu 73 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên là 5.100m<sup>2</sup>, hiện trạng rừng tự nhiên, quy hoạch chức năng rừng phòng hộ; lâm sản bị thiệt hại 1,280m<sup>3</sup> gỗ tròn (nhóm III, V, VI, VII).

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-ĐGTTTHS ngày 17/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện D kết luận: Giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ án là 16.493.699 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKSĐX ngày 14/08/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo RCõm P về tội: "*Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 BLHS.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Kết luận bị cáo RCõm P phạm tội: "*Hủy hoại rừng*". Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo RCõm P phạm tội hủy hoại rừng.

- Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo RCõm P từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu hủy 01 cái rựa dài 75cm, đã qua sử dụng, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm, nơi rộng nhất 04cm; phần cán bằng gỗ dài 47cm, đường kính 2,3cm và 06 khâu sắt. 01 cái rựa dài 53cm, đã qua sử dụng, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm, nơi rộng nhất 03cm; phần cán bằng gỗ dài 28cm, đường kính 03cm, phần nối giữa cán rựa và lưỡi rựa có 01 khâu kim loại dài 08cm.

*(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18/8/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện D với Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).*

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo RCõm P phải bồi thường cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên số tiền 16.493.699 đồng.

\* Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nên được miễn án phí.

*Luật sự bào chữa cho bị cáo trình bày:* Bị cáo có nhân thân tốt; đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng xa xôi nên nhận thức pháp luật hạn chế, do đời sống khó khăn không có đất sản xuất nên mục đích phá rừng lấy đất trồng lúa sinh sống chứ không nhằm mục đích gì khác, nên đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, dưới mức Viện kiểm sát đề nghị.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố; bị cáo nói lời sau cùng: Nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo RCõm P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Do không có đất để sản xuất nên khoảng tháng 6/2022, RCõm P đã có hành vi cùng với vợ là Ra Lan K đi đến khu rừng do UBND xã M, huyện D quản lý thuộc khoảnh 2, tiểu khu 73 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên dùng rựa chặt phá rừng tự nhiên, chức năng rừng phòng hộ, với diện tích 5.100m<sup>2</sup>, gây thiệt hại 16.493.699 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo biết rõ việc chặt phá rừng bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng chỉ vì thiếu đất sản xuất, mà bị cáo đã cùng vợ là Ra Lan K sử dụng rựa phát dọn rừng dưới hình thức phát trắng, gây thiệt hại diện tích rừng là 5.100m<sup>2</sup>, hiện trạng rừng tự nhiên, quy hoạch chức năng rừng phòng hộ; lâm sản bị thiệt hại 1,280m<sup>3</sup> gỗ tròn (nhóm III, V, VI, VII); giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ án là 16.493.699 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định của nhà nước về quản lý bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên và môi trường, gây mất cân bằng sinh thái. Vì vậy cần phải có

hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo; nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Xét đề nghị của kiểm sát viên và lời bào chữa của luật sư tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì vậy, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, nên áp dụng Điều 65 BLHS, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm, đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người biết ăn năn hối cải.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu huỷ 01 cái rựa dài 75cm, đã qua sử dụng, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm, nơi rộng nhất 04cm; phần cán bằng gỗ dài 47cm, đường kính 2,3cm và 06 khâu sắt. 01 cái rựa dài 53cm, đã qua sử dụng, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm, nơi rộng nhất 03cm; phần cán bằng gỗ dài 28cm, đường kính 03cm, phần nối giữa cán rựa và lưỡi rựa có 01 khâu kim loại dài 08cm.

*(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18/8/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện D với Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).*

[5] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 16.493.699 đồng. Xét thấy bị cáo có hành vi vi phạm pháp luật, yêu cầu của nguyên đơn dân sự là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường cho UBND xã M số tiền 16.493.699 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nên được miễn án phí.

\* Đối với Ra Lan K: HĐXX thấy rằng tuy có trực tiếp tham gia phát rừng, nhưng tính chất, mức độ không lớn. Mặt khác, trước khi đi phát rừng, Ra Lan K được chồng cho biết khu vực rừng tại tiểu khu 73 là đất do cha mẹ chồng khai hoang nên bản thân Ra Lan K không nhận thức được khu vực trên là rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý, không được chặt phá. Cơ quan CSĐT Công an huyện D áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với Ra Lan K mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là phù hợp.

\* Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 2, tiểu khu 73 xã M, huyện D, HĐXX nhận thấy: Các đối tượng này đã thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng. Tuy nhiên giá trị tài sản bị thiệt hại dưới 100.000.000đ và không có yếu tố định tội khác. Cơ quan CSĐT Công an huyện D không khởi tố bị can mà xử lý bằng biện pháp khác là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo RCõm P phạm tội: "*Hủy hoại rừng*".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS.

**Xử phạt:** RCõm P 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03( Ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

\* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo RCõm P phải bồi thường cho UBND xã M số tiền 16.493.699 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành án đối với khoản tiền còn lại, sẽ phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thanh toán theo mức lãi xuất do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu huỷ 01 cái rựa dài 75cm, đã qua sử dụng, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm, nơi rộng nhất 04cm; phần cán bằng gỗ dài 47cm, đường kính 2,3cm và 06 khâu sắt. 01 cái rựa dài 53cm, đã qua sử dụng, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm, nơi rộng nhất 03cm; phần cán bằng gỗ dài 28cm, đường kính 03cm, phần nối giữa cán rựa và lưỡi rựa có 01 khâu kim loại dài 08cm.

*(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18/8/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện D với Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).*

\* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo RCõm P được miễn nộp án phí.

\* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- UBND xã M.
- Những người tham gia tố tụng;

**Trần Ngọc Trung**